

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HS-ST
Ngày 14-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Ngọc Hương;
2. Ông Trần Hữu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Ngọc Triều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đăng Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị Minh N, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1987 tại tỉnh Tây Ninh; HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P và bà Huỳnh Thị G (đều đã chết); bị cáo có chồng Lê Minh H và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/5/2021 cho đến nay; có mặt.

2. Dương Minh N, sinh ngày 25 tháng 6 năm 1980 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn V (đã chết) và bà Đoàn Thị M; bị cáo có vợ Trần Thị D và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2021 đến ngày 30/4/2021 được trả tự do; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2021 cho đến nay; có mặt.

3. Võ Văn H, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1984 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn P và bà Nguyễn Thị M; bị cáo có vợ Trần Thị K và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2021 đến ngày 30/4/2021 được trả tự do; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2021 cho đến nay; có mặt.

4. Nguyễn Hồng D, sinh ngày 09 tháng 5 năm 1977 tại tỉnh Tây Ninh; HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim A; bị cáo có vợ Lương Thị L và 03 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2021 đến ngày 30/4/2021 được trả tự do; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2021 cho đến nay; có mặt.

5. Đoàn Văn L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984 tại tỉnh Tây Ninh; HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn H (đã chết) và bà Trần Kim A bị cáo có vợ Thạch Thị K và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2021 đến ngày 30/4/2021 được trả tự do; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2021 cho đến nay; có mặt.

6. Lê Thanh L, sinh ngày 19 tháng 4 năm 1985 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Trương Ngọc A; bị cáo có vợ Lê Thị N và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2021 đến ngày 30/4/2021 được trả tự do; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2021 cho đến nay; có mặt.

7. Nguyễn Văn C, sinh năm 1978 tại tỉnh Tây Ninh; HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Lê Thị M; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Bích L và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2021 đến ngày 30/4/2021 được trả tự do; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2021 cho đến nay; có mặt.

8. Châu Thanh T, sinh năm 1987 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Thành L (đã chết) và bà Võ Thị P; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2021 đến ngày 30/4/2021 được trả tự do; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2021 cho đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Minh N thường ngày bán quán nước, nhằm thu hút đông người đến quán nên N đã cung cấp bài và cho những người đến quán của N chơi đánh bài ăn tiền để N hưởng lợi từ việc bán nước tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vào sáng ngày 21/4/2021, có 07 người đến quán nước của N chơi bài cào tổ ăn tiền, mỗi ván đặt cược từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Sòng bài hoạt động đến 12 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc 02 bộ bài tây, số tiền 870.000 đồng cùng nhiều tang vật khác. Số tiền tham gia đánh bạc cụ thể như sau:

Dương Minh N mang theo 7.800.000 đồng để đánh bạc, chơi đến khi bị bắt thua 40.000 đồng, bỏ lại chiếu bạc 160.000 đồng, bị tạm giữ 7.600.000 đồng.

Võ Văn H mang theo 270.000 đồng tham gia đánh bạc, chơi đến khi bị bắt huê vốn, bỏ lại chiếu bạc 70.000 đồng, bị tạm giữ 200.000 đồng.

Nguyễn Hồng D mang theo 250.000 để đánh bạc, chơi đến khi bị bắt thắng 50.000 đồng, bị tạm giữ 300.000 đồng.

Đoàn Văn L mang theo 200.000 đồng để đánh bạc, chơi đến khi bị bắt thua 40.000 đồng, bị tạm giữ 160.000 đồng.

Lê Thanh L mang theo 120.000 đồng để đánh bạc, chơi đến khi bị bắt thắng 40.000 đồng, đã bỏ lại chiếu bạc 160.000 đồng.

Nguyễn Văn C mang theo 100.000 đồng để đánh bạc, chơi đến khi bị bắt thắng 50.000 đồng, đã bỏ lại chiếu bạc 150.000 đồng.

Châu Thanh T mang theo 70.000 đồng để đánh bạc, chơi đến khi bị bắt thắng 30.000 đồng, đã bỏ lại chiếu bạc 100.000 đồng.

Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 9.130.000 đồng.

* Vật chứng vụ án:

Số tiền 870.000 đồng; 02 bộ bài tây đã qua sử dụng;

Của bị cáo Dương Minh N: Số tiền 7.600.000 đồng; 01 điện thoại Samsung màu xanh, số Imei: 3579310922088870/01; 01 xe mô tô hiệu Wave alpha, biển số 70F9-7644, số máy: C09E5364453, số khung: 09037Y264449;

Của bị cáo Nguyễn Hồng D: Số tiền 300.000 đồng; 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imei: 357327084027222;

Của bị cáo Lê Thanh L: 01 điện thoại OPPO màu xanh, số Imei: 860750043227072;

Của bị cáo Châu Thanh T: 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imei: 353408092424348;

Của bị cáo Nguyễn Văn C: 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imei 352885108426238;

Của bị cáo Đoàn Văn L: Số tiền 160.000 đồng; 01 điện thoại Samsung màu hồng, số Imei: 354814093897136;

Của bị cáo Võ Văn H: Số tiền 200.000 đồng; 01 điện thoại Samsung màu đỏ, số Imei: 357966107727449.

* Kê biên tài sản:

Kê biên quyền sử dụng đất diện tích 1295,2 m², thửa số 507, tờ bản đồ số 27, tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh của Nguyễn Văn C và Nguyễn Thị Bích L.

Nguyễn Hồng D đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 450 m², thửa đất số 418, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh hiện đang thế chấp tại ngân hàng A nên không tiến hành kê biên.

Bản cáo trạng số 76/CT-VKSTB, ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Lê Thị Minh N, Dương Minh N, Võ Văn H, Nguyễn Hồng D, Đoàn Văn L, Lê Thanh L, Nguyễn Văn C, Châu Thanh T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Thị Minh N, Dương Minh N, Võ Văn H, Nguyễn Hồng D, Đoàn Văn L, Lê Thanh L, Nguyễn Văn C, Châu Thanh T về tội “Đánh bạc” và đề nghị:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Minh N mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Minh N mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Văn H số tiền từ 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng D số tiền từ 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi) triệu đồng.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Văn L số tiền từ 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thanh L số tiền từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C số tiền từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Châu Thanh T số tiền từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo Lê Thanh L không nói lời nói sau cùng. Các bị cáo Lê Thị Minh N, Dương Minh N, Võ Văn H, Nguyễn Hồng D, Đoàn Văn L, Nguyễn Văn C, Châu Thanh T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 21/4/2021 tại quán nước của Lê Thị Minh N thuộc ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, Công an xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang 08 đối tượng tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào tổ được thua bằng tiền gồm: Lê Thị Minh N, Dương Minh N, Võ Văn H, Nguyễn Hồng D, Đoàn Văn L, Lê Thanh L, Nguyễn Văn C, Châu Thanh T. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc được xác định là **9.130.000 đồng**. Hành vi của các bị cáo Lê Thị Minh N, Dương Minh N, Võ Văn H, Nguyễn Hồng D, Đoàn Văn L, Lê

Thanh L, Nguyễn Văn C, Châu Thanh T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 76/CT-VKSTB, ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Lê Thị Minh N, Dương Minh N, Võ Văn H, Nguyễn Hồng D, Đoàn Văn L, Lê Thanh L, Nguyễn Văn C, Châu Thanh T theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình của những người tham gia. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng và phát sinh các loại tội phạm khác, đồng thời gây mất trật tự tại địa phương. Nhằm đấu tranh, ngăn chặn tệ nạn cờ bạc tại địa phương, giữ gìn trật tự công cộng nói chung và phòng chống các loại tội phạm nói riêng nên cần phải có mức án tương xứng đối với các bị cáo.

[4] Xét mức độ phạm tội của từng bị cáo:

Đối với bị cáo Lê Thị Minh N là người cung cấp bài và địa điểm cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc. Bị cáo Dương Minh N là người sử dụng số tiền 7.800.000 đồng cao nhất trong số những người tham gia đánh bạc nên cần xử 02 bị cáo mức án ngang nhau nhưng cao hơn các bị cáo khác.

Các bị cáo Võ Văn H, Nguyễn Hồng D, Đoàn Văn L, Lê Thanh L, Nguyễn Văn C, Châu Thanh T tham gia đánh bạc số tiền từ 70.000 đồng đến 270.000 đồng và là lần đầu tham gia đánh bạc nên cần xử các bị cáo mức án phạt tiền cũng đủ răn đe đối với các bị cáo.

[5] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Thị Minh N, Dương Minh N, Võ Văn H, Nguyễn Hồng D, Đoàn Văn L, Lê Thanh L, Nguyễn Văn C, Châu Thanh T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

Xét thấy các bị cáo Lê Thị Minh N và Dương Minh N có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly 02 bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho 02 bị cáo hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và ấn định thời gian thử thách cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Các bị cáo Võ Văn H, Nguyễn Hồng D, Đoàn Văn L, Lê Thanh L, Nguyễn Văn C, Châu Thanh T cần xử mức án phạt tiền cũng đủ răn đe các bị cáo.

[8] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Xử lý vật chứng:

9.1. Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tây đã qua sử dụng;

9.2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền và tài sản của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và thắng bạc gồm:

- Số tiền thu tại chiếu bạc 870.000 (tám trăm bảy mươi nghìn) đồng;
- Cửa bị cáo Dương Minh N: Số tiền 7.600.000 (bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng;
- Cửa bị cáo Nguyễn Hồng D: Số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng;
- Cửa bị cáo Đoàn Văn L: Số tiền 160.000 (một trăm sáu mươi nghìn) đồng;
- Cửa bị cáo Võ Văn H: Số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

9.3. Tạm giữ tài sản của các bị cáo để đảm bảo thi hành án gồm:

Cửa bị cáo Dương Minh N: 01 điện thoại Samsung màu xanh, số Imei: 3579310922088870/01; 01 xe mô tô hiệu Wave alpha, biển số 70F9-7644, số máy: C09E5364453, số khung: 09037Y264449;

Cửa bị cáo Nguyễn Hồng D: 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imei: 357327084027222;

Cửa bị cáo Lê Thanh L: 01 điện thoại OPPO màu xanh, số Imei: 860750043227072;

Cửa bị cáo Châu Thanh T: 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imei: 353408092424348;

Cửa bị cáo Nguyễn Văn C: 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imei: 352885108426238;

Cửa bị cáo Đoàn Văn L: 01 điện thoại Samsung màu hồng, số Imei: 354814093897136;

Cửa bị cáo Võ Văn H: 01 điện thoại Samsung màu đỏ, số Imei: 357966107727449.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để đảm bảo thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự;

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

[10] Xử lý đối với các tài sản kê biên:

Cần giữ nguyên Lệnh kê biên tài sản số 14/L-ĐTTH ngày 14/6/2021 của Cơ quan cảnh sát điều Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh đối với quyền sử dụng đất diện

tích 1295,2 m², thửa đất số 507, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07349 ngày 18/3/2021 cho Nguyễn Văn C và Nguyễn Thị Bích L.

Cho đến khi bị cáo Nguyễn Văn C chấp hành xong các khoản tiền phạt và án phí.

[11] Về án phí: Các bị cáo Lê Thị Minh N, Dương Minh N, Võ Văn H, Nguyễn Hồng D, Đoàn Văn L, Lê Thanh L, Nguyễn Văn C, Châu Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Minh N 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/9/2021) về tội “Đánh bạc”.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Minh N 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/9/2021) về tội “Đánh bạc”.

Giao các bị cáo Lê Thị Minh N, Dương Minh N cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong thời gian giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn H số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng D số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn L số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

1.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh L số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

1.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

1.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Châu Thanh T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tây đã qua sử dụng;

2.2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền và tài sản của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và thắng bạc gồm:

- Số tiền thu tại chiếu bạc 870.000 (tám trăm bảy mươi nghìn) đồng;
- Của bị cáo Dương Minh N: Số tiền 7.600.000 (bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng;
- Của bị cáo Nguyễn Hồng D: Số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng;
- Của bị cáo Đoàn Văn L: Số tiền 160.000 (một trăm sáu mươi nghìn) đồng;
- Của bị cáo Võ Văn H: Số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

2.3. Tạm giữ tài sản của các bị cáo để đảm bảo thi hành án gồm:

Của bị cáo Dương Minh N: 01 điện thoại Samsung màu xanh, số Imei: 3579310922088870/01; 01 xe mô tô hiệu Wave alpha, biển số 70F9-7644, số máy: C09E5364453, số khung: 09037Y264449;

Của bị cáo Nguyễn Hồng D: 01 điện thoại Nokia màu đen, số Imei: 357327084027222;

Của bị cáo Lê Thanh L: 01 điện thoại OPPO màu xanh, số Imei: 860750043227072;

Của bị cáo Châu Thanh T: 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imei: 353408092424348;

Của bị cáo Nguyễn Văn C: 01 điện thoại Nokia màu xanh, số Imei: 352885108426238;

Của bị cáo Đoàn Văn L: 01 điện thoại Samsung màu hồng, số Imei: 354814093897136;

Của bị cáo Võ Văn H: 01 điện thoại Samsung màu đỏ, số Imei: 357966107727449.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để đảm bảo thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự;

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Xử lý đối với các tài sản kê biên:

Cần giữ nguyên Lệnh kê biên tài sản số 14/L-ĐTTH ngày 14/6/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tây Ninh đối với quyền sử dụng đất diện tích 1295,2 m², thửa đất số 507, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07349 ngày 18/3/2021 cho Nguyễn Văn C và Nguyễn Thị Bích L.

Cho đến khi bị cáo Nguyễn Văn C chấp hành xong các khoản tiền phạt và án phí.

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Lê Thị Minh N, Dương Minh N, Võ Văn H, Nguyễn Hồng D, Đoàn Văn L, Lê Thanh L, Nguyễn Văn C, Châu Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM
- Phòng KTNV và THA TAT;
- Sở tư pháp TN;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên;
- Đội điều tra công an huyện Tân Biên;
- Nhà tạm giữ công an huyện Tân Biên;
- Văn phòng công an huyện Tân Biên;
- UBND xã B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu THAHS;
- Lưu tập án;P.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ****Nguyễn Thị Phương**